TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 469 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1307/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, Sinh năm 1988

Địa chỉ: abc Tỉnh lộ 8, ấp 4, xã PVA, huyện C, TP.HCM.

Bị đơn: Ông Trần Anh K, Sinh năm 1987

Địa chỉ: xyz ấp TN2, xã TTN, huyện H, TPHCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2019, Bản tự khai ngày 17/12/2019, Biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 17/12/2019, ngày 10/01/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu, năm 2014 bà D, ông K tự nguyện quyết định xây dựng hạnh phúc gia đình, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TTN, huyện H, TPHCM theo quy định. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà vợ tại xã PVA, huyện C, TP.HCM. hai bên sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn hàn gắn. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trong nên vợ chồng ly thân đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không

hợp, thường xuyên cãi vã. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà D yêu cầu được ly hôn với ông K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: 01 trẻ tên: Trần Ngọc A, sinh ngày 05/4/2016, sau ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn là ông Trần Anh K vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải mặc dù đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Anh K, quan hệ tranh chấp giữa bà D và ông K là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Trần Anh K có thường trú tại abc ấp TN2, xã TTN, huyện H, TPHCM nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Trần Anh K: Bà D, ông K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTN, huyện H, TPHCM, ngày 24/11/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 08, Điều 09 của Luật Hôn nhân Gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông K nên Tòa án nhân dân huyện H căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà D vẫn cương quyết xin ly hôn với ông K do bất đồng quan điểm sống, không còn tình yêu thương vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà D, ông K có thời gian chung sống từ năm 2014 đến năm 2018, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, mặc dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2018 đôi bên ly thân từ đó đến nay không liên lạc gì với nhau, ông K chỉ thỉnh thoảng liên lạc thăm con chung nhưng không chu

cấp tiền nuôi con và cũng như không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông K theo quy định.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông K có 01 con chung tên: Trần Ngọc A, sinh ngày 05/4/2016, sau ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại trẻ A đang sống cùng mẹ nên việc giao trẻ An cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện nay của trẻ A nên Hội Đồng xét xử quyết định giao trẻ A cho bà D nuôi dưỡng, Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông K cho đến khi có đơn yêu cầu của bà D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xém xét.

Đối với bị đơn là ông Trần Anh K vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều này chứng tỏ ông K không quan tâm đến việc giải quyết và hàn gắn gia đình nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1988 được ly hôn với ông Trần Anh K, sinh năm 1987.

2. Về con chung: Có 01con chung tên Trần Ngọc A, sinh ngày 05/4/2016, sau ly hôn giao trẻ A cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Anh K cho đến khi có yêu cầu của bà D.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí HNGĐST: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008674 ngày 15/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà D đã nộp xong án phí HNGĐST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKDND H.H;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND xã TTN, Huyện H TPHCM;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Yến Ngọc